

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ - ST

Ngày 26/4/2024

“V/v Tranh chấp hôn nhân  
và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Văn Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Khải và ông Bùi Thanh Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hà Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố  
Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham  
gia phiên tòa: Bà Đỗ Hương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xét  
xử công khai vụ án thụ lý số: 303/2023/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023  
về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
10/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1971;

Địa chỉ: TDP Tr 2, phườngHH, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu P, sinh năm 1974;

Hộ khẩu thường trú và hiện đang ở: TDP L 2, phườngHH, thành phố Vĩnh Yên,  
tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 08 tháng 6 năm 2023 và các lời khai tiếp theo,  
nguyên đơn ông Phạm Ngọc L trình bày: Ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị Thu P  
kết hôn 07/11/1992, đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Thịnh (nay là phườngHH),  
thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng  
nhau tại phườngHH. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến  
giữa năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông L về nhà bố mẹ ở TDP Trà 2,  
phườngHH, thành phố Vĩnh Yên để ở từ đó đến nay, còn bà P ở tại ngôi nhà của hai  
vợ chồng tại TDP Lê 2, phườngHH, thành phố Vĩnh Yên vợ chồng sống ly thân từ đó  
đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông L là do vợ chồng mâu trong làm ăn kinh tế,  
bà P làm ăn nợ nần nhiều người dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau và sống ly thân. Nay

ông L xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị giải quyết cho ông L được ly hôn với bà P.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Phạm Hồng Q, sinh ngày 28/8/1993 và cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 18/9/2002 hiện hai cháu đã trên 18 tuổi nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Ly hôn, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu P trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án bà P cố tình không hợp tác làm việc với Tòa án nên Tòa án không thu thập được lời trình bày hoặc lời khai của bà của bà P. Tòa án tiến hành xác minh tại địa P và tại gia đình bà P hiện bà P đang sinh sống tại TDP Lê 2 phườngHH và có hộ khẩu tại phườngHH. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà P không nhận. Tòa án đã tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng trên tại địa P theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông L vẫn giữ nguyên quan điểm như trong đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà P.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Vĩnh Yên về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về triệu tập của Tòa án. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Phạm Ngọc L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu P. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Phạm Ngọc L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên giải quyết tranh chấp về ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại TDP Lê 2, phườngHH, thành phố Vĩnh Yên, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại địa P và tại gia đình thể hiện bà Nguyễn Thị Thu P hiện đang sinh sống tại TDP Lê 2, phườngHH và có hộ khẩu tại phườngHH, thành phố Vĩnh Yên. Tòa án đã tổng đạt được các văn

bản tố tụng cho bà P để tham gia phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng bà P từ chối nhận và không ký vào các biên bản tổng đạt. Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và tại phiên toà hôm nay bà P vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định.

[3] Về hôn nhân: Ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị Thu P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo ông L là do vợ chồng mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay, Toà án đã tiến hành lấy lời khai của bố đẻ bà P và mẹ đẻ ông L đều xác định vợ chồng ông L, bà P sống ly thân với nhau. Tại biên bản xác minh tại TDP Lê 2 và chính quyền địa P xác định vợ chồng ông L, bà P đã ly thân với nhau từ lâu, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế bà P nợ nần nhiều người. Toà án đã nhiều lần triệu tập bà P đến Toà án để trình bày quan điểm về việc ông L có đơn yêu cầu ly hôn và thông báo cho bà P đến Toà để hoà giải nhưng bà P từ chối không nhận các văn bản tố tụng của Toà án và cũng không đến Toà án để trình bày quan điểm và hoà giải, thể hiện bà P không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng và còn gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L, bà P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân của hai bên không đạt được. Ông L làm đơn ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Phạm Ngọc L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu P.

[4] Về con chung: Vợ chồng ông, bà có 02 con chung là cháu Phạm Hồng Quân, sinh ngày 28/8/1993 và cháu Phạm Quỳnh Anh, sinh ngày 18/9/2002 hiện hai cháu đã trên 18 tuổi nên ông L không yêu cầu Toà án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về ý kiến phát biểu của việc giải quyết vụ án của kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Phạm Ngọc L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu P.

2. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Phạm Ngọc L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0005540 ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố thành phố Vĩnh Yên. Ông L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Thu P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân TP Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS TP Vĩnh Yên;
- Các đương sự trong vụ án;
- Ủy ban nhân dân phường HH, Vĩnh Yên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đào Văn Tiến**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thế Khải    Bùi Thanh Bình**

**Đào Văn Tiến**



